

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2021
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 948/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số **74/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16 Phúc Lộc, phường C, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu dân cư số 9, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh N, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu dân cư số 9, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và có xảy ra mâu thuẫn nên chị và anh N đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019. Trong thời gian chị và anh N sống ly thân nhưng chưa ly hôn chị có quan hệ tình cảm và đã có thai với anh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết cho chị và anh N được ly hôn theo bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020. Ngày 10 tháng 11 năm 2020 chị sinh được 01 con dự định đặt tên là K tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng. Ngày 17 tháng 11 năm 2020 chị và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị có thai trong thời kỳ hôn nhân với anh N. Ngày 29 tháng 11 năm 2020 anh H đã đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart ADN; địa chỉ: Tầng 3, 214 Tô Hiệu, Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét nghiệm gen (ADN) cho con K do chị sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020, kết quả xét nghiệm ADN kết luận anh H có quan hệ huyết thống cha con với con do chị sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 dự định đặt tên là K. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 01 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh H trình bày:

Tháng 01 năm 2020 anh có quan hệ tình cảm với chị Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 16 Phúc Lộc, phường C, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng và chị Đ có thai. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết cho chị Đ và anh N, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu dân cư số 9, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu được ly hôn. Ngày 10 tháng 11 năm 2020 chị Đ sinh được 01 con dự định đặt tên là K tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng. Ngày 17 tháng 11 năm 2020 anh và chị Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị Đ có thai với anh trong thời kỳ hôn nhân với anh N. Ngày 29 tháng 11 năm 2020 anh đã đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart AND; địa chỉ: Tầng 3, 214 Tô Hiệu, Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét nghiệm gen (ADN) cho con K do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020, kết quả xét nghiệm ADN kết luận anh có quan hệ huyết thống cha con với con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020. Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, anh H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt trình bày:

Anh kết hôn với chị Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 16 Phúc Lộc, phường C, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn anh và chị Đ chung sống tại huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng không có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh và chị Đ đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã giải quyết cho anh và chị Đ được ly hôn theo bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020. Nay chị Đồng Thị yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh H là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, anh N khẳng định anh và chị Đ không có con chung, anh không có quan hệ gì với con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đ và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị Đ, bị đơn là anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đ, xác định anh H là cha đẻ của con dự định đặt tên là K do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn là chị Đ: Nguyên đơn là chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh H là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579, quyền số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, bị đơn là anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N đều đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đ. Xét chị Đ kết hôn với anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 14 tháng 6 năm 2019. Ngày 22 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết cho anh N và chị Đ được ly hôn theo

bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020. Ngày 10 tháng 11 năm 2020 chị Đ sinh được 01 con tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng. Như vậy chị Đ có thai trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh N nhưng chị Đ và anh N đều khẳng định chị Đ và anh Nguyễn Nam không có con chung, chị Đ và anh H thống nhất anh H là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart ADN kết luận anh H có quan hệ huyết thống cha - con với con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng dự định đặt tên K theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng. Vì vậy căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đ, xác định anh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đ, xác định anh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị Đ sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 008579, quyển số 86 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã M, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

